TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **51/**2019/QĐST-HNGĐ	*Thạnh Phú, ngày 29 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 54/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2018 về việc "Ly hôn, chia tài sản chung" giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Cẩm H, sinh năm: 1998; địa chỉ: số nhà 125/1, ấp Q, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn L, sinh năm: 1991; địa chỉ: số nhà 57/8, ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành vào ngày 21/01/2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành vào ngày 21/01/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Huỳnh Thị Cẩm H với anh Phạm Văn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Cẩm H với anh Phạm Văn L thuận tình ly hôn.

Chị H và anh L không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Anh L được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Minh L, sinh ngày 08/7/2015. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh L không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc nuôi con hoặc mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Về tài sản chung: Chị H và anh L thống nhất giá trị tài sản chung còn lại là 32.650.000 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), anh L đồng ý giao hết cho chị H số tiền 32.650.000 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Anh L có nghĩa vụ giao số tiền 32.650.000 đồng này cho chị H với thời gian và cách thức là giao tiền một lần vào ngày 12/02/2019 dương lịch.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về nợ chung: Chị H và anh L trình bày không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Chị H và anh L thống nhất mỗi người nộp ½ số tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn L chịu: 483.125 đồng (Bốn trăm tám mươi ba nghìn một trăm hai mươi lăm đồng).

Chị Huỳnh Thị Cẩm H chịu: 483.125 đồng (Bốn trăm tám mươi ba nghìn một trăm hai mươi lăm đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng và 1.345.000 đồng theo biên lai thu số 0021549 và 0021550 cùng ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Chị H được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn lại là: 1.161.875 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên